

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 9 – 2024

Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Bà Dương Thị Tú Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Nguyễn Ngọc T](#), sinh năm 1981

Địa chỉ: [Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.](#)

Bị đơn: Anh [Lê Thanh P](#), sinh năm 1981

Địa chỉ: [Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.](#)

(Chị [T](#), anh [P](#) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị [Nguyễn Ngọc T](#) trình bày: Chị và anh [Lê Thanh P](#) tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã V](#) theo giấy chứng nhận kết

hôn số 17, ngày 05/10/2006. Trong cuộc sống, vợ chồng chị xảy nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị và anh [P](#) đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh [P](#) có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh [Lê Thanh P](#). Chị và anh [P](#) có hai người con chung tên [Lê Thanh M](#), sinh ngày 26/5/2008 và [Lê Thanh Đ](#), sinh ngày 30/4/2006. Hiện cháu [M](#) và cháu [Đ](#) đang sống với vợ chồng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu [Lê Thanh M](#), không yêu cầu anh [P](#) cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu [Đ](#) đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh [Lê Thanh P](#) trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị [Nguyễn Ngọc T](#) về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và con chung, về tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, khoảng tháng 4 năm 2024 thì anh và chị [T](#) có bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con nên phát sinh mâu thuẫn, chị [T](#) về nhà cha mẹ ruột ở 10 ngày, sau đó đi lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm. Từ đó đến nay, anh có điện thoại nhưng điện thoại không được, anh cũng chưa có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không có liên lạc với chị [T](#), chị [T](#) cũng không liên lạc với anh. Do còn thương chị [T](#) nên anh không đồng ý ly hôn với chị [T](#), anh chỉ mong chị [T](#) quay trở về nhà để cùng nhau chăm sóc lo cho hai con.

Trường hợp Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [T](#) thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu [Lê Thanh M](#), sinh ngày 26/5/2008, anh không yêu cầu chị [T](#) cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu [Lê Thanh Đ](#), sinh ngày 30/4/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị [Nguyễn Ngọc T](#) ly hôn với anh [Lê Thanh P](#). Về con chung: Giao cháu [Lê Thanh M](#), sinh ngày 26/5/2008 cho chị [Nguyễn Ngọc T](#) được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh [Lê Thanh P](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị [T](#) phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh [Lê Thanh P](#). Khi khởi kiện, anh [P](#) trú tại [ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu](#). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị [T](#) và anh [P](#) xây dựng hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã V, huyện P](#) theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 05/10/2006 nên hôn nhân giữa chị [T](#) và anh [P](#) là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị [T](#) xác định trong quá trình chung sống chị và anh [P](#) xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị và anh [P](#) đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị [T](#) và anh [P](#) cũng có gặp nhau nhưng không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng. Anh [Lê Thanh P](#) cũng thừa nhận, khoảng tháng 4 năm 2024 thì anh và chị [T](#) có bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con nên phát sinh mâu thuẫn, chị [T](#) về nhà cha mẹ ruột ở 10 ngày, sau đó đi lên Thành phố Hồ Chí Minh đi làm. Anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không có liên lạc với chị [T](#), chị [T](#) cũng không liên lạc với anh. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị [T](#) và anh [P](#) đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị [T](#), cho chị [T](#) được ly hôn với anh [P](#).

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị [T](#) và anh [P](#) có hai người con chung tên [Lê Thanh M](#), sinh ngày 26/5/2008 và [Lê Thanh Đ](#), sinh ngày 30/4/2006, hiện đang sống chung với chị [T](#) và anh [P](#). Chị [T](#) yêu cầu tiếp tục chăm sóc, giáo dục cháu [M](#), không yêu cầu anh [P](#) cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu [Đ](#) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh [P](#) cũng yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục cháu [M](#). Xét thấy, chị [T](#) và anh [P](#) đều có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho cháu [M](#), tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại biên bản ngày 12/8/2024, cháu [M](#) có nguyện vọng sống với chị [T](#). Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu [Lê Thanh M](#), Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho chị [Nguyễn Ngọc T](#) tiếp tục

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu [Lê Thanh M.](#) Anh [P](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị [T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh [Lê Thanh P](#) không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị [Nguyễn Ngọc T](#) đối với anh [Lê Thanh P](#). Cho chị [Nguyễn Ngọc T](#) ly hôn với anh [Lê Thanh P](#).

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu [Lê Thanh M](#), sinh ngày 26/5/2008 cho chị [Nguyễn Ngọc T](#) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu [Lê Thanh M](#) đang sống với chị [Nguyễn Ngọc T](#) và anh [Lê Thanh P](#). Anh [Lê Thanh P](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị [Nguyễn Ngọc T](#) phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị [Nguyễn Ngọc T](#) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006894 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh [Lê Thanh P](#) không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã Vĩnh Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào